

Bản án số: **1896/2019/DS-ST**

Ngày: 16-12-2019

V/v Tranh chấp quyền sở hữu nhà; tranh chấp thừa kế; yêu cầu tuyên bố hợp đồng công chứng vô hiệu; hủy quyết định cá biệt.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Như Phương

Ông Phùng Thái Quang

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Thu Hà - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Đoàn Bích Trâm – Kiểm sát viên.

Vào các ngày 21, 28 tháng 11 và ngày 16 tháng 12 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 227/DSST ngày 22 tháng 7 năm 2015 về việc “Tranh chấp quyền sở hữu nhà; tranh chấp thừa kế; yêu cầu tuyên bố hợp đồng công chứng vô hiệu; yêu cầu hủy quyết định cá biệt”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 5064/2019/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 9406/2019/QĐST-DS ngày 12/11/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1939 (có mặt)

Địa chỉ liên lạc: 30 Đường số 15, Khu phố A, đường K, phường C, quận T, Thành phố H.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Võ Thùy L, sinh năm 1995 (có mặt)

Địa chỉ: 9B G, Phường A, quận T, Thành phố H.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

- Luật sư Lê Ngọc N – Đoàn Luật sư Thành phố H (có mặt).

- Luật sư Cồ Lê H – Đoàn Luật sư Thành phố H (có mặt ngày 21, 28/11, vắng mặt 16/12).

2. Bị đơn:

2.1. Ông Võ Hoàng T, sinh năm 1955 (có mặt ngày 21, 28/11, vắng mặt ngày 16/12)

2.2. Bà Lê Kim L, sinh năm 1954 (chết 11/2/2018). Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Lê Kim L:

2.2.1. Ông Võ Hoàng T, sinh năm 1955

2.2.2. Ông Võ Hoàng G, sinh năm 1979

2.2.3. Ông Võ Kinh L, sinh năm 1984

2.2.4. Bà Võ Minh Phi A, sinh năm 1987

Cùng địa chỉ: 1/3 Đường A, Khu phố B, phường L, quận T, Thành phố H.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn và người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn bà Lê Kim L: Ông Cao Ngọc S, sinh năm 1989 (có mặt).

Địa chỉ: 210/1A H, Phường S, quận P, Thành phố H.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư Nguyễn Hữu Thế T - Đoàn Luật sư Thành phố H (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1931 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: 1/3 Đường A, Khu phố B, phường L, quận T, Thành phố H.

3.2. Ông Nguyễn Ngọc Nh (Nguyen Jacques Nh), sinh năm 1937.

Địa chỉ: 937 D, S, CA A-USA.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1939 (có mặt)

Địa chỉ liên lạc: 30 Đường số 15, Khu phố A, đường K, phường C, quận T, Thành phố H.

3.3. Ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1944.

Địa chỉ: Ấp L, xã T, Thành phố B, tỉnh Đ.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1939.

Địa chỉ: 30 Đường số 15, Khu phố A, đường K, phường C, quận T, Thành phố H.

3.4. Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1942.

Địa chỉ: 1630 P.W-210-UĐC B USA.

Đại diện ủy quyền: Ông Võ Hoàng T, sinh năm 1955 (có mặt ngày 21, 28/11, vắng mặt ngày 16/12).

Địa chỉ: 1/3 Đường A, Khu phố B, phường L, quận T, Thành phố H.

3.5. Bà Nguyễn Thị Ánh P, sinh năm 1957 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: 1/7 Đường A, Khu phố B, phường L, quận T, Thành phố H.

3.6. Ông Nguyễn Thành M, sinh năm 1960 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: 440/12/6 K, Phường F, quận P, Thành phố H.

3.7. Ông Nguyễn Thành Q, sinh năm 1962 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: 1/7 Đường A, Khu phố B, phường L, quận T, Thành phố H.

3.8. Võ Hoàng Tinh L, sinh năm 2005

Có ông Võ Hoàng G là đại diện theo pháp luật (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: 1/3 Đường A, Khu phố B, phường L, quận T, Thành phố H

3.9. Bà Võ Thị Minh T, sinh năm 1953

Địa chỉ: 1/3 Đường A, Khu phố B, phường L, quận T, Thành phố H.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Cao Ngọc S, sinh năm 1989

Địa chỉ: 210/1A H, Phường A, quận P, Thành phố H.

3.10. Bà Trần Thị L, sinh năm 1958 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: 1/1 Đường A, Khu phố B, phường L, quận T, Thành phố H.

3.11. Bà Nguyễn Thị Ánh N, sinh năm 1984 (có đơn xin vắng mặt)

3.12. Bà Nguyễn Thị Ánh P, sinh năm 1981 (có đơn xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: 1/7 Đường A, Khu phố B, phường L, quận T, Thành phố H.

3.13. Ông Nguyễn Xuân D, sinh năm 1967 (có đơn xin vắng mặt)

3.14. Bà Trần Hồng Thiên K, sinh năm 1974 (có đơn xin vắng mặt)

3.15. Nguyễn Xuân Lam S, sinh năm 2002 – Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Xuân D, bà Trần Hồng Thiên K (có đơn xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: 1/5 Đường A, Khu phố B, phường L, quận T, Thành phố H.

3.16. Phòng công chứng A, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: 12 V, phường L, quận T, Thành phố H.

3.17. Ủy ban nhân dân Thành phố H (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: 86 T, phường B, Quận A, Thành phố H.

Đại diện ủy quyền: Bà Trần Thị Thanh T

Địa chỉ: 86 T, phường B, Quận A, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 02/7/2015, đơn khởi kiện bổ sung các ngày 17/9/2015, 24/11/2016, 16/12/2018, nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc T và đại diện theo ủy quyền trình bày:

Cha mẹ nguyên đơn là ông Nguyễn Văn H (chết năm 1944) và cụ Trần Thoại L (chết năm 1984). Cụ Trần Thoại L và ông Nguyễn Văn H có 08 người con:

1. Ông Nguyễn Ngọc Tr(chết năm 1948) không có vợ con;
2. Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1931;

3. Bà Nguyễn Thị H(chết năm 2008). Bà H có chồng là ông Võ Văn H. Bà H với ông H có 02 người con là Võ Thị Minh T và Võ Hoàng T.

4. Bà Nguyễn Thị H (chết năm 2005). Bà H có chồng là ông Nguyễn Văn A (đã chết). Bà H và ông A có 04 người con là ông Nguyễn Thị Ánh P, Nguyễn Thành Q, Nguyễn Thành M và Nguyễn Thành D (đã chết), ông D có vợ là bà Trần Thị L và 02 người con là Nguyễn Ánh Ngọc và Nguyễn Thị Ánh P.

5. Ông Nguyễn Ngọc N, sinh năm 1937;

6. Ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1939;

7. Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1942;

8. Ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1942.

Về nguồn gốc căn nhà 1/3 Đường A, Khu phố B, phường L, quận T, Thành phố H: Căn nhà 12/7 V (số mới 1/3 Đường A), Khu phố B, phường L, quận T, Thành phố H do mẹ ông là cụ Trần Thoại L tạo lập vào năm 1947, có kê khai nhà cửa năm 1977. Thời điểm này cụ Trần Thoại L dẫn bà ngoại ông cùng 08 người con gồm Nguyễn Ngọc Tr, Nguyễn Thị C, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị H, Nguyễn Ngọc N, Nguyễn Ngọc T, Nguyễn Thị D, Nguyễn Ngọc T tản cư từ Quận 1 về huyện T mua một căn nhà lá được xây dựng trên diện tích đất do giáo xứ T quản lý. Toàn bộ 08 anh chị em trong đó có bà Nguyễn Thị H đều sinh sống và lớn lên trong căn nhà này.

Quá trình sử dụng, mẹ ông và chị ông là bà Nguyễn Thị C nhiều lần sửa sang cho đến khi các anh chị em có gia đình riêng, anh em ông thống nhất giao căn nhà này cho bà Nguyễn Thị H quản lý sử dụng và nuôi dưỡng cụ Trần Thoại L.

Tuy nhiên bà Nguyễn Thị H đã lợi dụng quyền quản lý kê khai gian dối và đã được Ủy ban nhân dân Thành phố H cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu và quyền sử dụng đất số 12099/2000 ngày 12/10/2000. Quá trình lập thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà H cố tình giấu 06 anh em, trong gia đình không ai biết việc chính quyền niêm yết thông báo bà H xin cấp giấy chứng nhận sở hữu nhà và quyền sử dụng đất. Anh em ông T là những hộ kế cận nhưng không ai biết việc này và không ký vào biên bản giáp ranh.

Sau khi được cấp giấy chứng nhận bà H đã sửa chữa nâng cấp căn nhà như ngày hôm nay. Năm 2005, bà Nguyễn Thị H đã tặng cho căn nhà này cho ông Võ Hoàng T và bà Lê Kim L.

Sau khi biết việc Ủy ban nhân dân Thành phố đã cấp Giấy chứng nhận cho bà Nguyễn Thị H nguyên đơn đã khiếu nại. Kết luận thanh tra của Thành phố H đã kết luận bà H kê khai gian dối, việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà cho bà H là không đúng đối tượng. Vì vậy ngày 13/8/2012, Ủy ban nhân dân Thành phố H ban hành Quyết định số 4117/QĐ-UBND thu hồi, hủy bỏ Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 12099/2000 ngày 12/10/2000 của Ủy ban nhân dân Thành phố H đối với căn nhà 12/7 V (số mới là 1/3 Đường A), Khu phố B, phường L, quận T, Thành phố H). Tại 02 bản án số 1155/2014/HC-ST và 54/2015/HC-PT của 02 cấp tòa đã kết luận Quyết định số 4117/QĐ-UBND không đúng trình tự, thủ tục, nghĩa là thu hồi và hủy bỏ giấy

chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất đối với bà Htuy đúng pháp luật nhưng chưa đúng trình tự thủ tục theo quy định.

Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Yêu cầu công nhận căn nhà và đất 12/7 V(số mới 1/3 Đường A), Khu phố B, phường L, quận T, Thành phố H thuộc sở hữu của các đồng thừa kế của cụ Trần Thoại L.

- Yêu cầu chia thừa kế căn nhà và đất 12/7 V(số mới 1/3 Đường A), Khu phố B, phường L, quận T, Thành phố H cho các đồng thừa kế của cụ Trần Thoại L;

- Yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 12099/2000 ngày 12/10/2000 của Ủy ban nhân dân Thành phố H cấp cho ông Võ Văn H và bà Nguyễn Thị Huệ;

- Tuyên bố hợp đồng tặng cho số 7681/HĐ-TCN ngày 18/8/2005 tại Phòng Công chứng số 3 giữa bà Nguyễn Thị H và ông Võ Hoàng T, Lê Kim L vô hiệu.

Nguyên đơn không đồng ý với yêu cầu phản tố của bị đơn.

Nguyên đơn đồng ý với kết quả định giá đối với nhà đất tranh chấp tại địa chỉ 1/3 Đường A, Khu phố B, phường L, quận T, Thành phố H với tổng giá trị đất là 3.789.606.000 đồng.

Nguyên đơn đồng ý với kết quả định giá đối với giá trị đất tranh chấp tại địa chỉ 1/5 Đường A, Khu phố B, phường L, quận T, Thành phố H với tổng giá trị là 1.139.600.000 đồng.

Đại diện bị đơn trình bày:

Về hàng thừa kế của cụ Trần Thoại L: Bị đơn thống nhất với trình bày của nguyên đơn:

Về nguồn gốc căn nhà số 12/7, đường V (số mới 1/3 Đường A) Khu phố B, phường L, quận T, Thành phố H: Nguồn gốc đất do bà Nguyễn Thị H thuê lại của nhà thờ T vào năm 1956, sau khi thuê đất bà H bỏ tiền để xây dựng một căn nhà cho cụ Trần Thoại L cùng các em ở chung. Tất cả các chi phí tiền thuê đất và tiền xây dựng nhà đều do vợ chồng bà H và ông H thanh toán. Do tôn trọng mẹ là cụ Trần Thoại L là bậc cao tuổi trong gia đình nên vợ chồng bà H, ông H để cho cụ L đứng tên gia trưởng trong Tờ khai gia đình và đứng tên kê khai trên các giấy tờ liên quan đến nhà đất cho đến khi cụ Trần Thoại L qua đời.

Các anh chị em của bà Nguyễn Thị H khi lớn lên mỗi người đều lập gia đình rồi ra ở riêng, đến năm 1960 trong nhà 12/7 V chỉ còn lại cụ Trần Thoại L cùng vợ chồng ông H bà H cùng 02 con là Võ Hoàng T và Võ Thị Minh T.

Tiền thuê đất có ngôi nhà tranh chấp trước năm 1975 được vợ chồng bà H thanh toán cho Nhà thờ T, sau giải phóng thì nộp thuế đất cho các cơ quan quản lý của Nhà nước. Nhà xây dựng từ năm 1956 đến nay không thay đổi hiện trạng kết cấu. Năm 2000 và 2010 do nhà quá cũ nên ông Võ Hoàng T đã bỏ tiền ra để sửa chữa lại căn nhà và ở từ đó đến nay.

Khi ông Nguyễn Ngọc T ra ở riêng, bà Nguyễn Thị H có trích một phần đất trong tổng số diện tích đất thuê của Nhà thờ năm 1956 cho ông T để xây dựng nhà, hiện nay phần đất này là 1/5 Đường A, Khu phố B, phường L, quận T, Thành phố H do ông T làm chủ sở hữu.

Năm 2000 bà Nguyễn Thị H và chồng là ông Võ Văn H đã Ủy ban nhân dân Thành phố công nhận quyền sử dụng đất ở và quyền sở hữu nhà ở theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 12099/2000 ngày 12/10/2000.

Vào năm 2005, bà Nguyễn Thị H cùng người đồng thừa kế của bà H là bà Nguyễn Thị Minh T đã tặng cho căn nhà nêu trên cho ông Võ Hoàng T và bà Lê Kim L theo Hợp đồng tặng cho nhà ở số 7681/HĐ-TCN ngày 18/8/2005 được chứng nhận tại Phòng công chứng A. Sau khi được tặng cho nhà, ông Th và bà L đã đăng ký thay đổi và được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp đăng ký thay đổi vào ngày 22/9/2005.

Như vậy, việc ông Võ Hoàng T và bà Lê Kim L được tặng cho căn nhà là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật và được Nhà nước công nhận quyền sở hữu hợp pháp. Do đó, bị đơn cho rằng yêu cầu của ông Nguyễn Ngọc T là không có cơ sở để chấp nhận. Đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bị đơn có yêu cầu phản tố như sau:

- Yêu cầu Tòa án công nhận căn nhà 12/7 V(số mới 1/3 Đường A) Khu phố B, phường L, quận T, Thành phố H, diện tích tầng 1 là 195,5m² và tầng lửng là 37,9m² theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 12099/2000 ngày 12/10/2000 của Ủy ban nhân dân Thành phố H và quyền sử dụng đất diện tích khoảng 311m² theo bản đồ hiện trạng vị trí lập năm 2015 thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông Võ Văn H và bà Nguyễn Thị H nay là của ông Võ Hoàng T và bà Lê Kim L.

- Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì bị đơn đề nghị Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

- + Chia thừa kế là căn nhà 12/7 V(số mới 1/3 Đường A) Khu phố B, phường L, quận T, Thành phố H cho các đồng thừa kế của cụ Trần Thoại L và ông Võ Hoàng T đề nghị được nhận căn nhà và thanh toán phần giá trị cho các đồng thừa kế khác phần họ được hưởng.

- + Về tiền sửa chữa căn nhà: Bị đơn có sửa chữa căn nhà 02 lần vào năm 2000 và năm 2010, chi phí sửa chữa khoản 300 triệu đồng. Yêu cầu tòa án giải quyết cho bị đơn được nhận lại số tiền này.

- + Yêu cầu tòa án tính công sức gìn giữ, tôn tạo của bị đơn đối với căn nhà trên tương đương với 02 suất thừa kế, tương đương với 1.082.744.570 đồng.

- Yêu cầu công nhận thửa đất số 66, tờ bản đồ số 65 (tài liệu 2003) tọa lạc tại địa chỉ số 1/5 Đường A, Khu phố B, phường L, quận T, Thành phố H thuộc sở hữu của cụ Trần Thoại L và chia tài sản chung cho các đồng thừa kế của cụ Trần Thoại L theo quy định của pháp luật.

Bị đơn đồng ý với kết quả định giá đối với nhà đất tranh chấp tại địa chỉ 1/3 Đường A, Khu phố B, phường L, quận T, Thành phố H: Tổng giá trị đất là 3.789.606.000 đồng.

Bị đơn đồng ý với kết quả định giá đối với nhà đất tranh chấp tại địa chỉ 1/5 Khu phố B, phường L, quận T, Thành phố H: Tổng giá trị đất là 1.139.600.000 đồng.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trình bày: Trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở đối với căn nhà 12/7 V, Khu phố B, phường L, quận T, Thành phố H là cho bà Nguyễn Thị H và ông Võ Văn H (chết năm 1997) thực hiện theo quy định của Nghị định 60/CP ngày 05/7/1994 của Chính Phủ và quyết định số 6280/QĐ-UB-QLĐT ngày 26/8/1995 của Ủy ban nhân dân Thành phố. Tuy nhiên, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 12099/2000 ngày 12/10/2000 cấp cho bà Nguyễn Thị H và ông Võ Văn H (chết năm 1997) là không đúng đối tượng do:

Nguồn gốc đất: Do cụ Trần Thoại L thuê của nhà thờ họ T từ năm 1956 và có kê khai nhà năm 1977, đăng ký đất theo chỉ thị số 299/TTg.

Nguồn gốc tạo lập nhà:

a. Bản kê khai nhà cửa năm 1977 do cụ Trần Thoại L đứng kê khai là chủ sở hữu;

b. Đơn kiến nghị của bà Nguyễn Thị H ngày 28/6/1994 có nội dung là trình bày căn nhà số 12/7 V, phường L quận T là nhà từ đường do mẹ là cụ Trần Thoại L đứng tên, bà H đã liên tục cư ngụ cùng chồng con tại ngôi nhà này, đã chăm sóc nuôi dưỡng cụ Trần Thoại L lúc còn sống là người quản lý ngôi nhà và chịu các chi phí liên quan nhưng khi lập thủ tục cấp giấy chứng nhận thì bà H khai nguồn gốc nhà do ông H, bà H tạo lập là không đúng thực tế.

Căn nhà trên từ khi tạo lập đến lúc được cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở do gia đình bà Nguyễn Thị H sửa chữa trong quá trình sử dụng nhưng về cấu trúc vẫn giữ nguyên trạng; việc bà Nguyễn Thị H kê khai là người tạo lập căn nhà trên là không đúng thực tế mà là do cụ Trần Thoại L (mẹ bà H) tạo lập.

Do đó, Ủy ban nhân dân Thành phố có Quyết định số 4117/QĐ-UBND ngày 13/8/2012 để thu hồi, hủy bỏ Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 12099/2000 ngày 12/10/2000 đối với căn nhà 12/7 V, Khu phố B, phường L, quận T, Thành phố H là đúng theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ánh P trình bày: Bà là con của ông Nguyễn Văn H (đã mất năm 2005) và ông Nguyễn Văn A (đã chết). Bà H và ông A có 04 người con: Ông Nguyễn Thành D (chết năm 2007), bà Nguyễn Thị Ánh P, ông Nguyễn Thành M và ông Nguyễn Thành Q. Bà không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu phản tố của bị đơn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị C trình bày: Bà là con của ông Nguyễn Văn H (đã chết 1944) và cụ Trần Thoại L (sinh năm 1984). Cụ Trần Thoại L và ông Nguyễn Văn H có 08 người con. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu phản tố của bị đơn bà có ý kiến như sau:

Về nguồn gốc căn nhà số 1/3 Đường A, Khu phố B, phường L, quận T, Thành phố H: Vào năm 1956 em gái bà là bà Nguyễn Thị H và ông Võ Văn H có thuê đất của Nhà thờ T. Sau khi thuê đất thì ông H và bà H trực tiếp bỏ tiền ra xây dựng và sử dụng để tạo lập xây căn nhà 1/3 Đường A, Khu phố B, phường L, quận T, Thành phố H. Bà H và ông Hồng sống chung với mẹ bà, chăm sóc, phụng dưỡng mẹ bà cho đến chết.

Bà không tranh chấp nhà và đất nêu trên với ông Võ Hoàng T và bà Lê Kim L. Trong trường hợp Tòa án chia tài sản thì bà đồng ý tặng cho lại ông Võ Hoàng T phần thừa kế, phần tài sản chung mà bà được hưởng đối với căn nhà 1/3 Đường A, Khu phố B, phường L, quận T, Thành phố H.

Phần nhà đất số 1/5 Đường A, Khu phố B, phường L, quận T, Thành phố H do bà Nguyễn Thị H thuê của Nhà thờ T. Bà đồng ý chia tài sản đối với quyền sử dụng đất nêu trên cho các con cụ Trần Thoại L nêu Tòa án chia. Trường hợp Tòa án chia tài sản chung là nhà đất số 1/5 Đường A, Khu phố B, phường L, quận T, Thành phố H thì bà tặng cho lại ông Võ Hoàng T phần di sản bà được hưởng.

Trước đây bà có ủy quyền cho nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc T tham gia tố tụng, tuy nhiên bà có văn bản hủy văn bản ủy quyền cho ông T và giữ nguyên các ý kiến đã trình bày tại bản tự khai ngày 1/9/2015 và biên bản lấy lời khai ngày 26/3/2019.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thành M, Nguyễn Thành Q trình bày: Về hàng thừa kế của cụ Trần Thoại L và nguồn gốc căn nhà: Bà D thống nhất với trình bày của bị đơn. Các ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Các ông không tranh chấp nhà đất tại địa chỉ số 1/3 Đường A, Khu phố B, phường L, quận T, Thành phố H với vợ chồng ông Võ Hoàng T và bà Lê Kim L. Trường hợp Tòa án chia tài sản chung hoặc chia thừa kế cho mẹ các ông là bà Nguyễn Thị H thì các ông tự nguyện tặng cho lại phần tài sản là di sản mẹ các ông được hưởng cho ông Võ Hoàng T và bà Lê Kim L. Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn thì các ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ánh P, Nguyễn Thị Ánh N trình bày: Các bà là con của ông Nguyễn Thành D (đã chết), ông D là con của bà Nguyễn Thị H (đã chết) và ông Nguyễn Văn Á (đã chết). Các bà không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu phản tố của bị đơn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị L trình bày: Bà là vợ của ông Nguyễn Thành D (đã chết), ông D là con của bà Nguyễn Thị H (chết năm 2005), bà H là con của cụ Trần Thoại L (đã chết). Bà không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu phản tố của bị đơn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị D trình bày: Về hàng thừa kế của cụ Trần Thoại L và nguồn gốc căn nhà: Bà Danh thống nhất với trình bày của bị đơn.

Ông Nguyễn Ngọc T khởi kiện ông Võ Hoàng T và bà Lê Kim L để yêu cầu Tòa án buộc ông Võ Hoàng T và bà Lê Kim L phải giao nhà số 1/3 Đường A, Khu phố B, phường L, quận T, Thành phố H cho các con cụ Trần Thoại L là do xuất phát từ mâu thuẫn, hiềm khích giữa ông Nguyễn Ngọc T và ông Thông bấy lâu nay chưa hóa giải được. Hiện nay các anh chị em bà đã có nhà riêng ở ổn định từ lâu, việc thờ cúng cha mẹ mỗi nhà đều có thể lập một nơi thờ riêng. Bà cho rằng các yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc T là không có cơ sở để chấp nhận.

Bà không tranh chấp căn nhà và quyền sử dụng đất số 1/3 Đường A, Khu phố B, phường L, quận T, Thành phố H với vợ chồng ông Võ Văn H và Nguyễn Thị Hnay là vợ chồng ông Võ Hoàng T và bà Lê Kim L. Trường hợp Tòa án chia tài sản chung hoặc chia thừa kế cho bà đối với căn nhà trên thì bà tự nguyện tặng cho lại phần tài sản, di sản mà bà được hưởng cho ông Võ Hoàng T và bà Lê Kim L.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Hồng Thiên K và ông Nguyễn Xuân D, đồng thời là người đại diện của Nguyễn Xuân Lam S trình bày: Vợ chồng ông bà đã mua căn nhà 1/3 Đường A, Khu phố B, phường L, quận T, Thành phố H của bà Nguyễn Thị Dạ T, sinh năm 1968. Hai bên đã lập hợp đồng mua bán căn nhà trên tại Phòng công chứng A, Thành phố H, hợp đồng đã được công chứng theo đúng quy định của pháp luật. Sau khi ký hợp đồng mua bán, vợ chồng ông bà đã làm thủ tục đăng bộ sang tên và đã được chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai quận T cập nhật biến động sang tên ông bà ngày 18/9/2018.

Việc vợ chồng ông bà mua bán căn nhà trên là đúng quy định của pháp luật, việc mua bán hoàn toàn ngay tình. Nay với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vợ chồng ông bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Đối với yêu cầu phân tố của bị đơn vợ chồng ông bà không đồng ý vì ông bà đã mua căn nhà trên hợp pháp, ngay tình.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phòng Công chứng A trình bày: Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 29/11/2019, đại diện các bên đương sự đề nghị Hội đồng xét xử cho tạm ngừng phiên tòa để các bên tự thương lượng hòa giải với nhau và thu thập thêm ý kiến của các đồng thừa kế của cụ Trần Thoại L. Sau khi tạm ngừng phiên tòa, Tòa án cũng đã tiến hành thu thập ý kiến của các đương sự vắng mặt là các đồng thừa kế của cụ Trần Thoại L gồm bà Nguyễn Thị Ánh P, bà Trần Thị L, bà Nguyễn Thị Ánh N và Nguyễn Thị Ánh P. Các đương sự trên cũng đã có ý kiến trình bày tặng cho phần thừa kế mà họ được hưởng cho bị đơn ông Võ Hoàng T.

Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 16/12/2019, các đương sự có mặt tại phiên tòa thống nhất giải quyết vụ án như sau:

1. Ông Nguyễn Ngọc T và ông Võ Hoàng T xác nhận căn nhà và quyền sử dụng đất tại số 1/3 Đường A, Khu phố B, phường L, quận T, Thành phố H là di sản thừa kế của cụ Trần Thoại L.

2. Ông Võ Hoàng T thỏa thuận với ông Nguyễn Ngọc T chia di sản thừa kế là căn nhà và quyền sử dụng đất tại số 1/3 Đường A, Khu phố B, phường L, quận T, Thành phố H, với số tiền là 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng), cho các ông Nguyễn Ngọc T, Nguyễn Ngọc Nhan, Nguyễn Ngọc T. Thời hạn trả tiền là ngày 16/01/2019.

3. Ông Võ Hoàng T rút yêu cầu phản tố yêu cầu Tòa án chia thừa kế giá trị quyền sử dụng đất tại số 1/5 Đường A, Khu phố B, phường L, quận T, Thành phố H theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BQ 541549 do Ủy ban nhân dân quận T cấp ngày 26/12/2013 cho ông Nguyễn Ngọc T và bà Võ Thị Đặng.

4. Ông Nguyễn Ngọc T rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện trong vụ án do Tòa án nhân dân Thành phố H thụ lý số 227/TLST-DS ngày 22/7/2015 như sau:

4.1. Rút yêu cầu khởi kiện yêu cầu Tòa án xác định căn nhà số 1/3 Đường A, Khu phố B, phường L, quận T, Thành phố H là di sản thừa kế của cụ Trần Thoại L và chia thừa kế cho những người đồng thừa kế của cụ Trần Thoại L.

4.2. Rút yêu cầu Tòa án tuyên hủy Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 12099/2000 do Ủy ban nhân dân Thành phố H cấp ngày 12/10/2000.

4.3. Rút yêu cầu Tòa án tuyên vô hiệu Hợp đồng tặng cho nhà ở số 7681/HĐ-TCN ngày 18/8/2005, chứng nhận tại Phòng công chứng A, Thành phố H.

5. Ông Nguyễn Ngọc T, Nguyễn Ngọc N, Nguyễn Ngọc T không tranh chấp với ông Võ Hoàng T, ông Võ Hoàng G, ông Võ Kinh L, bà Võ Minh Phi A tài sản là căn nhà và quyền sử dụng đất tại số 1/3 Đường A (số cũ 12/7, đường V) Khu phố B, phường L, quận T, Thành phố H.

6. Ông Nguyễn Ngọc T và ông Võ Hoàng T cam kết sau khi ký và nhận đủ số tiền được chia, các bên sẽ không khiếu nại, khởi kiện đến bất cứ cơ quan hành chính Nhà nước, Tòa án nhân dân cấp có thẩm quyền để yêu cầu giải quyết tranh chấp quyền và nghĩa vụ liên quan đến tài sản là các căn nhà và quyền sử dụng đất tại số 1/3 Đường A, Khu phố B, phường L, quận T, Thành phố H và quyền sử dụng đất tại số 1/5 Đường A, Khu phố B, phường L, quận T, Thành phố H.

Đại diện bị đơn đề nghị Tòa án ghi nhận tự nguyện của các đương sự sau: Bà Nguyễn Thị D cho suất thừa kế cho bà Võ Thị Minh T; bà Nguyễn Thị C cho suất thừa kế cho ông Võ Hoàng T; bà Trần Thị Minh T cho suất thừa kế cho ông Võ Hoàng T; bà Nguyễn Thị Ánh P, Trần Thị L, Nguyễn Thị Ánh N, Nguyễn Thị Ánh P cho suất thừa kế của mình cho ông Võ Hoàng T.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn tranh luận: Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn tranh luận: Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Qua kiểm sát vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định về thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định đúng quan hệ tranh chấp, xác định tư cách người tham gia tố tụng trong vụ án, tiến hành lập hồ sơ, hòa giải, Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử và gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn, cấp và tổng đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa hôm nay, phiên tòa tiến hành đúng trình tự pháp luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Tại phiên tòa, các bên đương sự đã tự thương lượng hòa giải với nhau, việc thỏa thuận là hoàn toàn tự nguyện, không trái với quy định của pháp luật. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử có nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xác định tranh chấp giữa các bên là tranh chấp quyền sở hữu nhà; tranh chấp thừa kế; yêu cầu tuyên bố hợp đồng công chứng vô hiệu; yêu cầu hủy quyết định cá biệt, do vụ án có yếu tố nước ngoài và có yêu cầu hủy quyết định cá biệt nên căn cứ Điều 26, Điều 37, Khoản 4 Điều 34 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thời hiệu khởi kiện:

Ngày 26/12/2014, nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc T khởi kiện tại Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đối với ông Võ Hoàng T yêu cầu bị đơn trả lại căn nhà 12/7 V (1/3 Đường A), Khu phố B, phường L, quận T, Thành phố H cho những người thừa kế của cụ Trần Thoại L; Ngày 21/1/2015, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Thông báo số 20/TB-TA trả lại đơn khởi kiện lý do ông T không có quyền khởi kiện; Sau khi nhận được Thông báo trả lại đơn khởi kiện ông T đã khiếu nại; Ngày 22/6/2015, Chánh án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 224/2015/QĐ-TATP chấp nhận khiếu nại của ông Nguyễn Ngọc T nhận lại đơn khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc T với lý do cho rằng quan hệ tranh chấp trong vụ án là tranh chấp thừa kế tài sản. Sau khi Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nhận lại đơn khởi kiện và thụ lý giải quyết ngày 22/7/2015 sau đó nguyên đơn có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu Tòa án giải quyết công nhận căn nhà 1/3 Đường A, Khu phố B,

phường L, quận T, Thành phố H là thuộc sở hữu của cụ Trần Thoại L và yêu cầu chia thừa kế phần di sản của bà Loan để lại là căn nhà nói trên theo quy định của pháp luật. Như vậy, căn cứ Điều 155 Bộ luật dân sự thì tranh chấp quyền sở hữu nhà của nguyên đơn không tính thời hiệu.

[3] Về hình thức đơn khởi kiện: Đơn kiện của nguyên đơn phù hợp với hình thức đơn kiện tại Điều 189 Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện nghĩa vụ tạm ứng án phí. Việc ủy quyền của các bên là hợp lệ theo Điều 85 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về sự có mặt của các đương sự: Các ông bà Võ Hoàng T, Võ Hoàng G, Nguyễn Thị Ánh P, Nguyễn Thành M, Nguyễn Thành Q, Trần Thị L, Nguyễn Thị Ánh N, Nguyễn Thị Ánh P, Nguyễn Xuân D, Trần Hồng Thiên K, Phòng Công chứng A, Ủy ban nhân dân Thành phố H có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên theo quy định tại Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Về nội dung yêu cầu khởi kiện: Tại phiên tòa, các đương sự thống nhất nội dung sau:

[5.1] Ông Nguyễn Ngọc T và ông Võ Hoàng T xác nhận căn nhà và quyền sử dụng đất tại số 1/3 Đường A, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh là di sản thừa kế của cụ Trần Thoại L.

[5.2] Ông Võ Hoàng T thỏa thuận với Ông Nguyễn Ngọc T chia di sản thừa kế là căn nhà và quyền sử dụng đất tại số 1/3 Đường A, Khu phố B, phường L, quận T, Thành phố H, với số tiền là 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng) cho các ông Nguyễn Ngọc T, Nguyễn Ngọc Nh, Nguyễn Ngọc T. Thời hạn trả tiền vào ngày 16/12/2019 ông Thông sẽ giao cho ông Tsố tiền là 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng)

[5.3] Ông Võ Hoàng T rút yêu cầu phản tố yêu cầu Tòa án chia thừa kế giá trị quyền sử dụng đất tại số 1/5 Đường A, Khu phố B, phường L, quận T, Thành phố H theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BQ 541549 do Ủy ban nhân dân quận T cấp ngày 26/12/2013 cho ông Nguyễn Ngọc T và bà Võ Thị Đặng.

[5.4] Ông Nguyễn Ngọc T rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện trong vụ án do Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý số 227/TLST-DS ngày 22/7/2015 về việc yêu cầu xác định căn nhà số 1/3 Đường A, Khu phố B, phường L, quận T, Thành phố H là di sản thừa kế của cụ Trần Thoại L và chia thừa kế cho những người đồng thừa kế của cụ Trần Thoại L; yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 12099/2000 do Ủy ban nhân dân Thành phố H cấp ngày 12/10/2000; yêu cầu tuyên vô hiệu Hợp đồng tặng cho nhà ở số 7681/HĐ-TCN ngày 18/8/2005, chứng nhận tại Phòng công chứng A, Thành phố H.

[5.5] Ông Nguyễn Ngọc T, Nguyễn Ngọc Nh, Nguyễn Ngọc T không tranh chấp với ông Võ Hoàng T, ông Võ Hoàng G, ông Võ Kinh L, bà Võ Minh Phi A tài sản là căn nhà và quyền sử dụng đất tại số 1/3 Đường A (số cũ 12/7, đường V) phường A, Khu phố B, phường L, quận T, Thành phố H.

[5.6] Ngoài ra, các đồng thừa kế của cụ Trần Thoại L gồm bà Nguyễn Thị D có văn bản lập ngày 27/8/2017; bà Nguyễn Thị C tại văn bản ngày ngày 26/3/2019; bà Trần Thị Minh T lập văn bản ngày 11/11/2019; bà Nguyễn Thị Ánh P, bà Trần Thị L có lập vi bằng ngày 30/11/2019; bà Nguyễn Thị Ánh N lập văn bản ngày 05/12/2019, Nguyễn Thị Ánh P lập văn bản ngày 06/12/2019; ông Nguyễn Thành Q tại bản tự khai ngày 7/3/2018; ông Nguyễn Thành M tại bản tự khai ngày 5/3/2018 đều tặng cho suất thừa kế của mình cho ông Võ Hoàng T. Do đó ghi nhận sự tự nguyện của những người này.

[5.7] Xét thấy, các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không trái với quy định của pháp luật nên cần được ghi nhận.

[5.8] Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận thỏa thuận của các đương sự. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của hội đồng xét xử nên ghi nhận.

[5.9] Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Ngọc T, ông Nguyễn Ngọc T, ông Nguyễn Ngọc Nh, ông Võ Hoàng T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên do ông Nguyễn Ngọc T, Nguyễn Ngọc T và ông Võ Hoàng T là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí. Do đó căn cứ điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thi, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn toàn bộ tiền án phí cho ông Nguyễn Ngọc T, ông Nguyễn Ngọc T và ông Võ Hoàng T.

Ông Nguyễn Ngọc N (Nguyen Jacques Nh) phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền được nhận là 333.333.333 đồng, án phí phải chịu là 16.666.667 đồng. Do ông Nguyễn Ngọc N có ủy quyền cho ông Nguyễn Ngọc T nhận tiền thừa kế nên ông Nguyễn Ngọc T có trách nhiệm nộp án phí dân sự sơ thẩm thay cho ông Nguyễn Ngọc Nhan.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 246 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thi, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự gồm bà Nguyễn Thị C, các đồng thừa kế của bà Nguyễn Thị H (đã chết) gồm ông Võ Hoàng T và bà Võ Thị Minh T; ông Nguyễn Ngọc T; các đồng thừa kế của bà Nguyễn Thị H (đã chết) gồm bà Nguyễn Thị Ánh P, ông Nguyễn Thành Q, ông Nguyễn Thành M và các đồng thừa kế của ông Nguyễn Thành D (đã chết) là bà Trần Thị L và 02 người con là Nguyễn Thị Ánh N và Nguyễn Thị Ánh P; Ông Nguyễn Ngọc Nh (Nguyen Jacques Nh); bà Nguyễn Thị D; ông Nguyễn Ngọc T như sau:

1.1. Căn nhà và quyền sử dụng đất tại số 1/3 Đường A, Khu phố B, phường L, quận T, Thành phố H là di sản thừa kế của cụ Trần Thoại L.

1.2. Ông Võ Hoàng T thanh toán suất thừa kế đối với căn nhà và quyền sử dụng đất tại số 1/3 Đường A, Khu phố B, phường L, quận T, Thành phố H với số tiền 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng) cho các ông Nguyễn Ngọc T, Nguyễn Ngọc Nhan, Nguyễn Ngọc T. Ghi nhận việc ông Nguyễn Ngọc T, ông Nguyễn Ngọc Nh (Nguyễn Jacques Nh) và ông Nguyễn Ngọc T có ông Nguyễn Ngọc T là đại diện đã nhận của ông Võ Hoàng T số tiền nói trên tại Tòa án vào ngày 16/12/2019.

1.3. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị D cho suất thừa kế của mình cho ông Võ Hoàng T.

1.4. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị C cho suất thừa kế của mình cho ông Võ Hoàng T.

1.5. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Võ Thị Minh T cho lại phần thừa kế của mình cho ông Võ Hoàng T.

1.6. Ghi nhận sự tự nguyện của các đồng thừa kế của bà Nguyễn Thị H (đã chết) gồm bà Nguyễn Thị Ánh P, ông Nguyễn Thành Q, ông Nguyễn Thành M và các đồng thừa kế của ông Nguyễn Thành D (đã chết) gồm bà Trần Thị L và 02 người con là Nguyễn Thị Ánh N và Nguyễn Thị Ánh P cho suất thừa kế của mình cho ông Võ Hoàng T.

1.7. Ông Nguyễn Ngọc T, ông Nguyễn Ngọc Nh (Nguyễn Jacques Nh) và ông Nguyễn Ngọc T không tranh chấp với ông Võ Hoàng T, ông Võ Hoàng G, ông Võ Kinh L, bà Võ Minh Phi A tài sản là căn nhà và quyền sử dụng đất tại số 1/3 Đường A (số cũ 12/7, đường V), Khu phố B, phường L, quận T, Thành phố H.

2. Ông Võ Hoàng T được trọn quyền sở hữu nhà và đất số 1/3 Đường A, , phường L, quận T, Thành phố H, được quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục pháp lý đối với căn nhà nói trên theo quy định của pháp luật.

3. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu phản tố của ông Võ Hoàng T về việc yêu cầu Tòa án chia thừa kế giá trị quyền sử dụng đất tại số 1/5 Đường A, , phường L, quận T, Thành phố H theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BQ 541549 do Ủy ban nhân dân quận T cấp ngày 26/12/2013 cho ông Nguyễn Ngọc T và bà Võ Thị Đ do ông T rút yêu cầu phản tố.

4. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc T về việc yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 12099/2000 do Ủy ban nhân dân Thành phố H cấp ngày 12/10/2000 do ông Nguyễn Ngọc T rút yêu cầu.

5. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc T về việc yêu cầu tuyên vô hiệu Hợp đồng tặng cho nhà ở số 7681/HĐ-TCN ngày 18/8/2005, chứng nhận tại Phòng công chứng A, Thành phố H do ông Nguyễn Ngọc T rút yêu cầu.

6. *Án phí dân sự sơ thẩm:*

Nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc T được miễn toàn bộ tiền án phí. Hoàn lại cho ông Nguyễn Ngọc T toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.900.000 (bảy triệu

chín trăm ngàn đồng) theo các Biên lai thu tiền số 08923 ngày 17/7/2015, 09245 ngày 17/9/2015, 0031612 ngày 30/11/2016 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn ông Võ Hoàng T được miễn toàn bộ tiền án phí.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Ngọc Nh (Nguyen Jacques Nh) phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 16.666.667 đồng (mười sáu triệu sáu trăm sáu mươi sáu ngàn sáu trăm sáu mươi bảy đồng). Ông Nguyễn Ngọc T có trách nhiệm nộp số tiền án phí nói trên thay cho ông Nguyễn Ngọc Nh.

7. Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án; Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được Tòa tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TPHCM;
- VKSND cấp cao tại TPHCM;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cục THA DS TPHCM;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thùy Dung